

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM - PT
Ngày: 28 - 12 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng, bà Phạm Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hương Sen - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLPT - KDTM ngày 27/10/2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/KDTM - ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 08/12/2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 2, phố L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Anh N - Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người được ông Dương Anh N ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Thu H - Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ và thương mại V

Địa chỉ: Số 153/10 (10/153) Nguyễn Hữu C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình Q – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; địa chỉ: Phòng 07.09 Tòa A7 Trung cư A, thành phố G, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Đình Q, sinh năm 1973

- Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1977

Đều có địa chỉ: Số 69 Nguyễn Hữu C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số 11, ngõ 153 Nguyễn Hữu C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt bà H, ông L. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 09/8/2019, Ngân hàng A và Công ty TNHH dịch vụ và thương mại V (sau đây viết là Công ty V) ký Hợp đồng tín dụng số 2301-LAV-201900920. Ngày 21/10/2019, hai bên ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 2301-LAV-201900920/HĐSD, BS.01. Ngày 21/12/2019, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 2301-LAV-201900920/HĐSD, BS.02. Theo đó, Ngân hàng A cho Công ty V vay vốn với hạn mức tín dụng được cấp là 17.030.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 16.830.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 200.000.000 đồng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm và áp dụng mức lãi suất biến đổi theo quy định của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; thời hạn trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng; thời hạn trả nợ gốc theo hạn trên giấy nhận nợ.

Tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty V gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 58 và tài sản trên đất tại số 55 B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 013573, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 00328 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 06/8/2012 cho bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số 132502.4 ngày 25/7/2013, được Công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Hải Dương.

- Quyền sử dụng thửa đất số 273, tờ bản đồ 40 và tài sản trên đất tại 69 +71 Nguyễn Hữu C, khu 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CM 925670, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CH-00373 do UBND thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/5/2018 cho ông Đặng Đình Q và bà Nguyễn Thu H theo Hợp đồng thế chấp số 182502/HĐTC.07 ngày 18/5/2018, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Hải Dương.

- Quyền sử dụng thửa đất số 62, tờ bản đồ 42 và tài sản trên đất tại số 11, ngõ 153 Nguyễn Hữu C, khu 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 498562, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: H03384 do UBND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cấp ngày 28/8/2007 cho

ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị M theo Hợp đồng thế chấp số 1825058/HĐTC.05 ngày 30/5/2019, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Hải Dương.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty V theo 12 giấy nhận nợ. Thời gian đầu, Công ty V thực hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi đúng hạn. Tuy nhiên, từ tháng 12/2019, Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh nợ quá hạn từ ngày 25/12/2019. Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc với đại diện Công ty V và các chủ tài sản thế chấp để đôn đốc trả nợ nhưng đại diện Công ty V và các chủ tài sản thế chấp là ông Q, bà H, ông T, bà M không đồng ý bàn giao tài sản bảo đảm để Ngân hàng A xử lý như thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2021, Ngân hàng A yêu cầu Công ty V phải trả tổng số tiền 13.740.026.174 đồng, trong đó nợ gốc là 11.730.200.000 đồng, lãi trong hạn 1.435.576.720 đồng, lãi quá hạn là 574.249.454 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm Ngân hàng A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối các khoản tiền giải ngân theo 03 giấy nhận nợ (ngày 03/6/2019, ngày 14/6/2019, ngày 20/9/2019) với tổng số tiền tính đến ngày 25/5/2022 là 2.158.934.462 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L nêu trên. Ngân hàng A yêu cầu Công ty V phải trả số tiền tính đến ngày 14/9/2022 theo 09 giấy nhận nợ (trừ số tiền theo 03 giấy nhận nợ đã rút yêu cầu khởi kiện) là 13.548.974.089 đồng, gồm nợ gốc 10.081.686.000 đồng, lãi trong hạn 2.399.817.796 đồng, lãi quá hạn 1.067.470.293 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/9/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Nếu Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp của ông Q, bà H và ông T, bà M nêu trên để thu hồi nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty V đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đình Q là ông Nguyễn Văn L trình bày: Việc giao kết hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp, số tiền Công ty V được Ngân hàng A giải ngân thông qua 12 giấy nhận nợ thống nhất như trình bày của đại diện nguyên đơn nêu trên. Xác định số tiền nợ gốc theo 09 giấy nhận nợ mà Ngân hàng A khởi kiện Công ty V là 10.081.686.000 đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh của Công ty gặp khó khăn do dịch bệnh Covid 19, Công ty đang trong thời gian phục hồi, nên đề nghị Ngân hàng A cho Công ty có thời gian khắc phục sẽ trả nợ gốc và xin miễn toàn bộ tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M, ông T trình bày: Ông bà xác định có dùng tài sản của mình thế chấp để đảm bảo khoản vay của Công ty V như trình bày của nguyên đơn nêu trên. Nay ông bà tuổi đã cao, đi lại khó khăn nên ủy quyền cho con trai là ông Đặng Đình Q giải quyết khoản nợ của Công ty V với Ngân hàng A, không xử lý tài sản thế chấp.

Tại bản án số 06/2022/KDTM-ST ngày 14/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 401, Điều 403, Điều 463, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 giấy nhận nợ. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với 03 giấy nhận nợ ngày 03/6/2019, ngày 14/6/2019 và ngày 20/9/2019 (tính đến ngày 25/5/2022) số tiền dư nợ gốc là 1.648.514.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 510.420.462 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc Công ty V có nghĩa vụ trả Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2022 là 13.548.974.089 đồng, trong đó nợ gốc 10.081.686.000 đồng, lãi trong hạn là 2.399.817.796 đồng, lãi quá hạn là 1.067.470.293 đồng. Kể từ ngày 15/9/2022, Công ty V tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 182502/HĐTC.07 ngày 18/5/2018 và Hợp đồng thế chấp số 1825058/HĐTC.05 ngày 30/5/2019 để thu hồi nợ. Về xác định phạm vi bảo đảm: Tài sản của ông Q, bà H bảo đảm với số tiền 12.061.615.382 đồng, trong đó nợ gốc là 9.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.119.039.114 đồng, lãi quá hạn là 942.576.268 đồng tính đến nay xét xử sơ thẩm. Tài sản của ông T bà M bảo đảm đối với số tiền 1.487.358.707 đồng, trong đó nợ gốc là 1.081.686.000 đồng, lãi trong hạn là 280.778.682 đồng, lãi quá hạn là 124.894.025 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ trong phạm vi bảo đảm cho Ngân hàng A thì Công ty V vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 20/9/2022, Công ty V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết miễn tiền lãi quá hạn và một phần lãi trong hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông L giữ nguyên kháng cáo của Công ty V. Xác định tổng số tiền gốc và lãi phát sinh của Công ty V đối với Ngân hàng A theo 09 giấy nhận nợ mà Ngân hàng A khởi kiện Công ty V được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.548.974.089 đồng, trong đó nợ gốc 10.081.686.000, lãi trong hạn là 2.399.817.796 đồng, lãi quá hạn là 1.067.470.293 đồng là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ tiền lãi cho Công ty V, số tiền gốc Công ty V sẽ trả dần cho Ngân hàng A.

Đại diện Ngân hàng A giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện đã được xem xét theo bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của tất cả những người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty V trong thời hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bà H, ông T, bà M. Tuy nhiên, các đương sự này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào lời khai thống nhất của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Hợp đồng tín dụng số 2301-LAV-201900920 ngày 09/8/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 2301-LAV-201900920/HĐSD, BS.01 ngày 21/10/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 2301-LAV-201900920/HĐSD, BS.02 ngày 21/12/2019 giữa Ngân hàng A với Công ty V. Các Hợp đồng thế chấp số 182502/HĐTC.07 ngày 18/5/2018 và Hợp đồng thế chấp số 1825058/HĐTC.05 ngày 30/5/2019 được giao kết trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng A. Tính đến ngày 14/9/2022, Công ty V còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền theo 09 giấy nhận nợ vào các ngày 04/6/2019, 05/6/2019, 18/6/2019, 26/6/2019, 02/8/2019, 27/8/2019, 04/10/2019, 16/10/2019 và 21/10/2019 với tổng số tiền là 13.548.974.089 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.081.686.000 đồng, lãi trong hạn là 2.399.817.796 đồng, lãi quá hạn là 1.067.470.293 đồng như bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

[4] Xem xét kháng cáo của Công ty V về việc xin miễn toàn bộ các khoản tiền lãi, HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng thì *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ thì Ngân hàng A và Công ty V thỏa thuận lãi suất trong hạn là 8,5%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn. Các giấy nhận nợ đều xác định rõ thời hạn mà Công ty V phải trả nợ gốc, nợ lãi. Tuy nhiên, như nhận định ở phần trên, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các giấy nhận nợ. Nên, ngoài số tiền gốc phải trả, Công ty V còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận, phù hợp với số tiền lãi mà Ngân hàng A đưa ra đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, Công ty V còn phải chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng như nêu trên. Việc Công ty V đề nghị được miễn toàn bộ các khoản tiền lãi nhưng Ngân hàng A không đồng ý. Do vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty V, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Công ty V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[2] Về án phí phúc thẩm: Công ty V phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên thái thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001252 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- CC THADS thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm